

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-7-2021

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 74/2021/TLST–HNGĐ ngày 17/3/2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Phùng Thị N** – sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* anh **Hoàng Văn B** – sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Phùng Thị N trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn B kết hôn vào ngày 26/12/2009 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình. Hiện tại anh B đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hồng Ca thuộc Bộ công an. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh B có 02 con chung Hoàng Thanh P, sinh ngày 30/9/2010 và Hoàng Kim T, sinh ngày 26/8/2015, hiện tại đang ở cùng chị N. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Hoàng Văn B nhất trí với nội dung mà chị N trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thực tế có mâu thuẫn và không thể khắc phục được. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý.

Về con chung: anh và chị N có hai con chung như chị N trình bày. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng để chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản và công nợ chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho chị N được ly hôn với anh B, về con chung giao hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Phùng Thị N và anh Hoàng Văn B kết hôn vào ngày 26/12/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự xác định quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không thể khắc phục được. Chị N, anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị N và anh B có 02 con chung Hoàng Thanh P, sinh ngày 30/9/2010 và Hoàng Kim T, sinh ngày 26/8/2015. Tại lời khai các đương sự đều có nguyện vọng nếu ly hôn giao cho chị Phùng Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện tại anh B đang là bị án chấp hành án phạt tù tại trại giam, nguyện vọng các đương sự cũng như con chung là tự nguyện và phù hợp, cần được chấp nhận. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Phùng Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Phùng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

2. *Về con chung*: giao cho chị Phùng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Hoàng Thanh Ph, sinh ngày 30/9/2010 và Hoàng Kim T, sinh ngày 26/8/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Phùng Thị N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0008532 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh